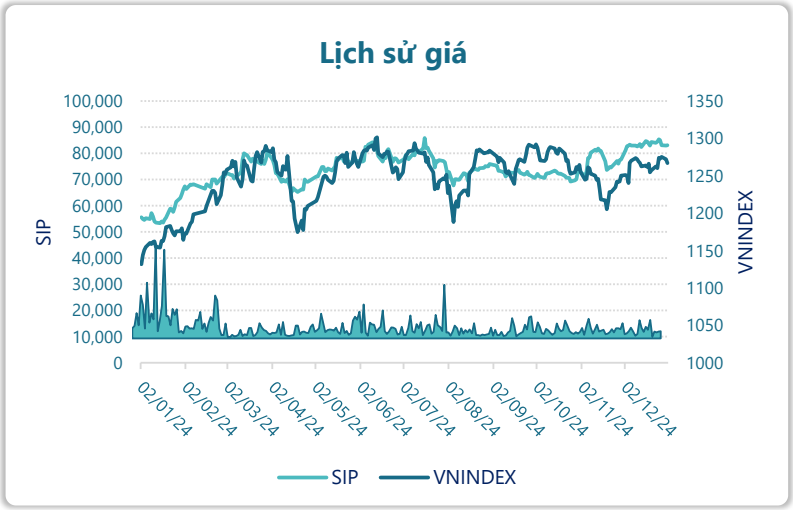
FireAnt

CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (HSX: SIP)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**83,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	85,865
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	53,330
SL cổ phiếu LH	210,533,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,232,935
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,495
P/E	15.0
EPS	5,530

DT thuần

Q4/24

2,064

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 87.0| 4.4%

YoY: ▲ 153| 8.0%

LN sau thuế

Q4/24

376

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 62.0| 19.7%

YoY: ▲ 3.00| 0.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

21.1%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2024

7,800

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,123| 16.8%

LN sau thuế

2024

1,278

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 274| 27.3%

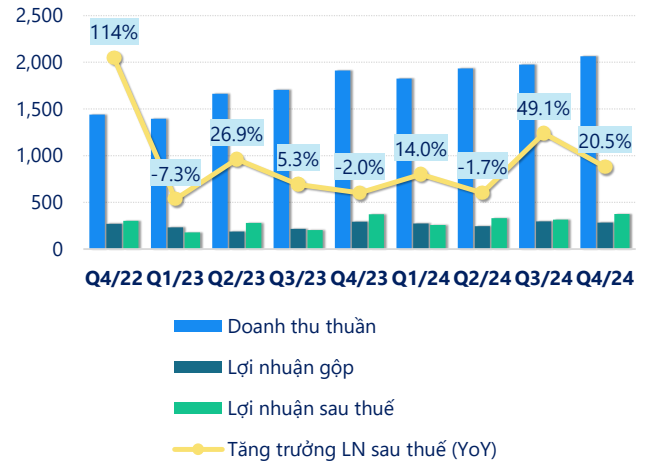
ROE

2024

26.2%

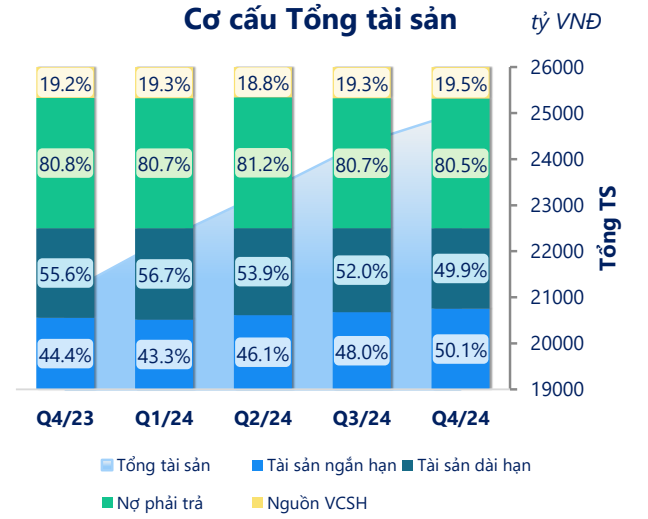
+/- YoY: ▲ 2.0%

Kết quả kinh doanh



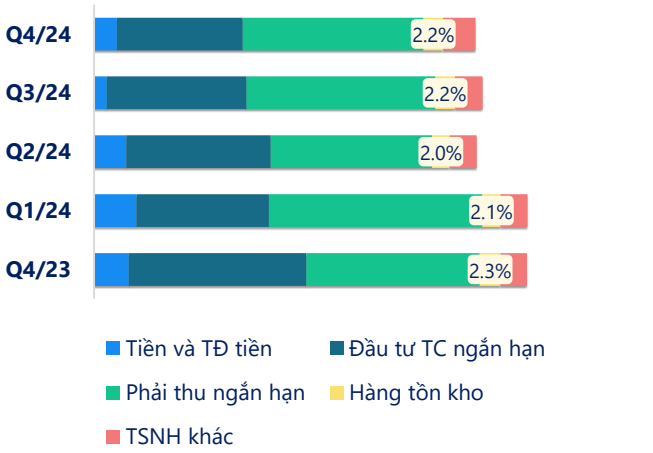
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



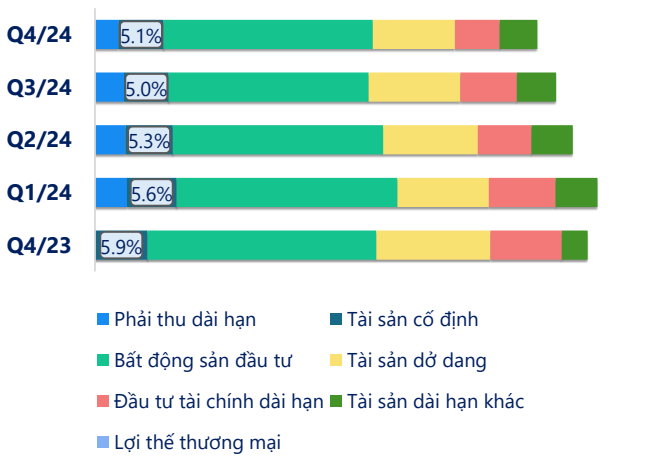
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



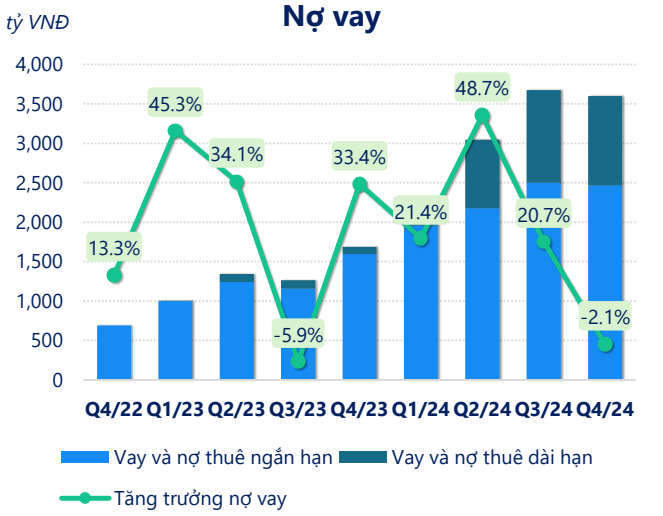
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



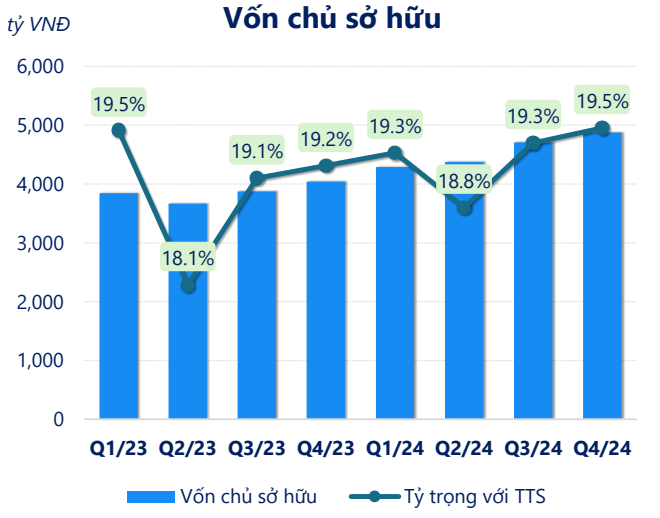
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



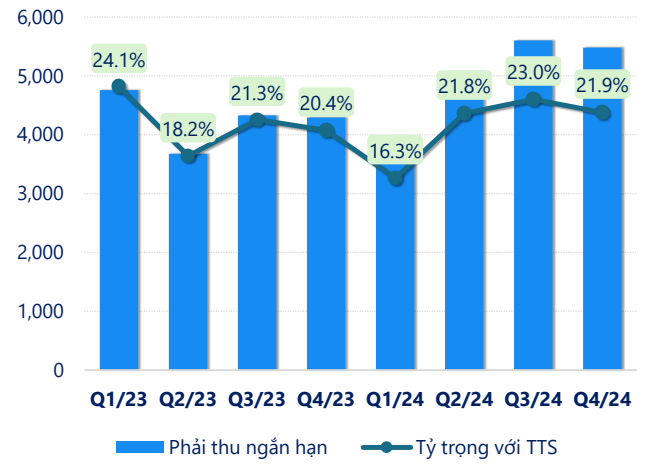
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



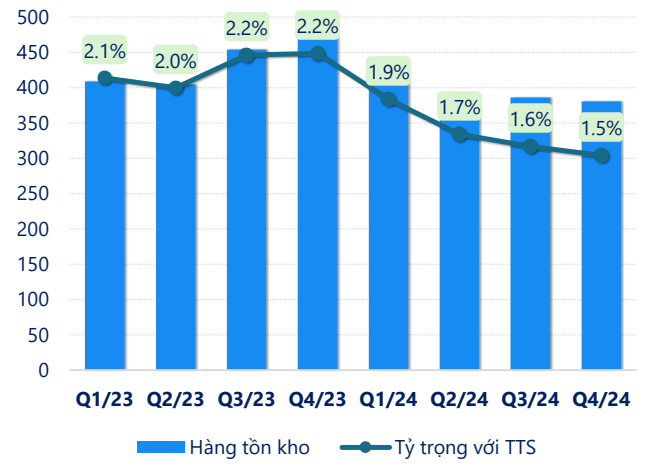
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



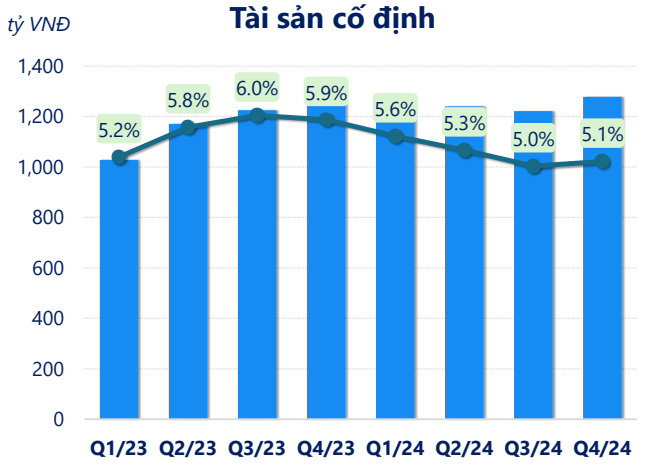
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



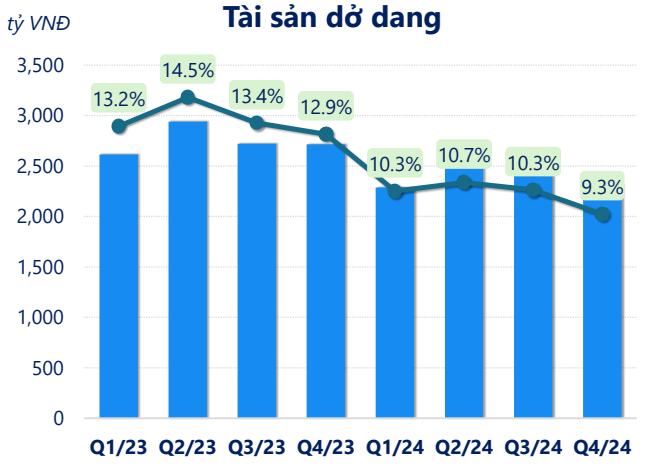
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



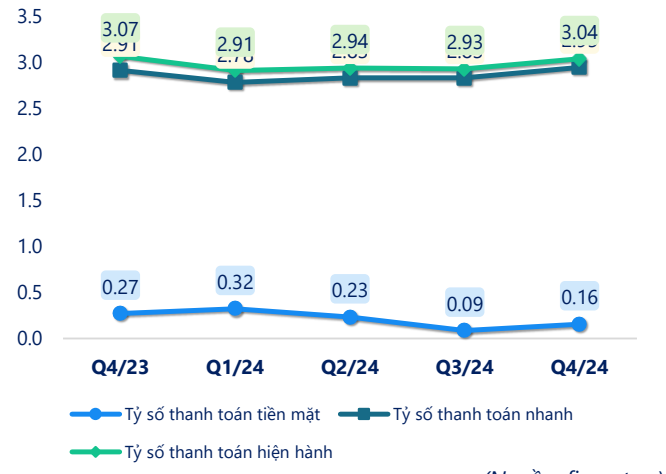
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



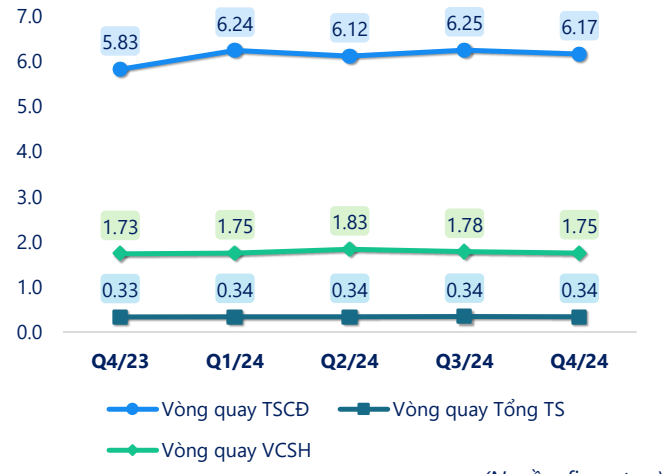
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**21,084**	**22,247**	**23,264**	**24,345**	**25,026**
Tài sản ngắn hạn	**9,361**	**9,629**	**10,724**	**11,678**	**12,529**
Tiền và tương đương tiền	827	1,067	844	345	644
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,997	3,724	3,631	4,477	5,176
Phải thu ngắn hạn	4,294	3,631	5,073	5,600	5,479
Hàng tồn kho	473	427	388	386	380
Tài sản ngắn hạn khác	771	780	788	870	850
Tài sản dài hạn	**11,723**	**12,618**	**12,540**	**12,667**	**12,496**
Phải thu dài hạn	0.39	800	800	800	660
Tài sản cố định	1,252	1,248	1,241	1,222	1,279
Bất động sản đầu tư	5,443	5,548	5,524	5,493	5,907
Tài sản dở dang	2,714	2,288	2,485	2,518	2,316
Đầu tư tài chính dài hạn	1,693	1,679	1,409	1,559	1,260
Tài sản dài hạn khác	620	1,054	1,081	1,076	1,075
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**17,045**	**17,961**	**18,890**	**19,634**	**20,151**
Nợ ngắn hạn	**3,052**	**3,306**	**3,646**	**3,985**	**4,123**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,595	1,957	2,176	2,503	2,466
Phải trả người bán ngắn hạn	238	232	171	206	241
Nợ dài hạn	13,993	14,655	15,244	15,649	16,028
Vay và nợ thuê dài hạn	90.7	89.5	868	1,170	1,132
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,039**	**4,286**	**4,374**	**4,711**	**4,874**
Vốn chủ sở hữu	**4,039**	**4,286**	**4,374**	**4,711**	**4,874**
Vốn điều lệ	1,818	1,818	1,818	2,105	2,105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)